

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK I TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ. (18 tiết)	Nội dung 1: Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	Số câu: 3 (Câu 1, 2, 3) Điểm: (0,75 đ)	Số bài: 1 (Bài 1) Điểm: (0,75 đ)	Số câu: 1 (Câu 4) Điểm: (0,25 đ)						5,75
		Nội dung 2: Các phép tính với số hữu tỉ.				Số câu: 2 (Bài 3a, 3b) Điểm: (1,5 đ)		Số câu: 3 (Bài 2a, 2b, 2c) Điểm: (1,5 đ)		Số câu: 1 (Bài 7) Điểm: (1,0 đ)	
2	Chủ đề 2: Các hình khối trong thực tiễn. (14 tiết)	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	Số câu: 4 (Câu 5, 6, 7, 8) Điểm: (1,0 đ)			Số câu: 1 (Bài 4) Điểm: (1,0 đ)					4,25
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	Số câu: 4 (Câu 9, 10, 11, 12) Điểm: (1,0 đ)			Số câu: 1 (Bài 5) Điểm: (0,75 đ)		Số câu: 1 (Bài 6) Điểm: (0,5 đ)			
Tổng: Số câu Điểm			11 2,75	1 0,75	1 0,25	5 3,25		3 2,0		1 1,0	10
Tỉ lệ %			35%		35%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

Chú ý: Tổng tiết: **32 tiết.**

Thời gian kiểm tra: Tuần 9 – Học kì I (Số học: 18 tiết (hết chương 1), Hình học 14 tiết (hết chương 3)).

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI TOÁN 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ.	Nội dung 1: Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.	1TL (Bài 1)			
			– Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.	1 TN (Câu 1)			
			– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.	1 TN (Câu 2)			
			– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	1 TN (Câu 3)			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.		1 TN (Câu 4)		
		Nội dung 2: Các phép tính với số hữu tỉ.	Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ.			1 TL (Bài 2a)	
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			2 TL (Bài 2b, 2c)	
			Thông hiểu: – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.		2 TL (Bài 3a, 3b)		
			– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1 TL (Bài 7)
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							

2	Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	Nhận biết: Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo, ...) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	4 TN (Câu 5, 6, 7, 8)			
			Thông hiểu: – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.		1 TL (Bài 4)		
			Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.				
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).	4 TN (Câu 9, 10, 11, 12)			
			Thông hiểu: – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.		1 TL (Bài 5)		
			Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).			1 TL (Bài 6)	

C – ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 7

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH
**TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á
CHÂU**

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 03 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: TOÁN – LỚP: 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu 1. Khẳng định nào sau đây sai?

- A.** $-3 \in \mathbb{Z}$. **B.** $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$. **C.** $3,2 \in \mathbb{N}$. **D.** $-\frac{2}{5} \in \mathbb{R}$.

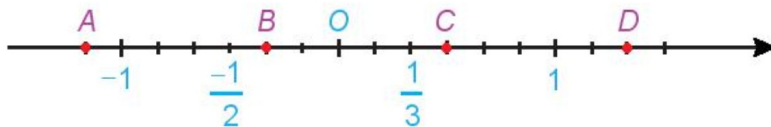
Câu 2. Số hữu tỉ là số viết được dưới dạng phân số $\frac{a}{b}$ với?

- A.** $a = 0$ và $b \neq 0$ **B.** $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b \neq 0$.
C. $a, b \in \mathbb{N}$ **D.** $a, b \in \mathbb{N}, b \neq 0$.

Câu 3. Trong các số $2,15; -1\frac{3}{4}; -\frac{12}{13}; 0; -\frac{5}{7}; \frac{11}{14}$ có bao nhiêu số hữu tỉ âm?

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 4. Quan sát trục số sau. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A.** Điểm C biểu diễn số hữu tỉ $\frac{2}{3}$. **B.** Điểm B biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{2}{3}$.

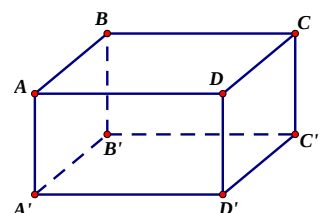
- C.** Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{7}{6}$. **D.** Điểm D biểu diễn số hữu tỉ $\frac{7}{3}$.

Câu 5. Hãy chọn câu **sai**. Hình hộp chữ nhật có:

- A.** 6 cạnh. **B.** 12 cạnh. **C.** 8 đỉnh. **D.** 6 mặt

Câu 6.

Cho hình hộp chữ nhật $ABCD A'B'C'D'$. Có bao nhiêu cạnh cắt cạnh $D'C'$.



A. 3.

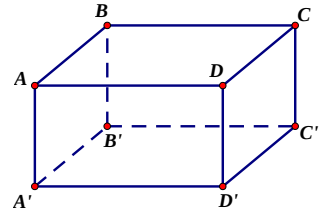
B. 4.

C. 2.

D. 5.

Câu 7.

Hình hộp chữ nhật $ABCD A'B'C'D'$ có $BB' = 7\text{cm}$. Khẳng định nào sau đây đúng?



A. $A'D' = 7\text{cm}$.

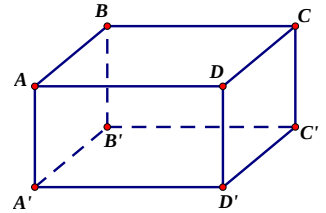
B. $CC' = 7\text{cm}$.

C. $D'C' = 7\text{cm}$.

D. $AC' = 7\text{cm}$.

Câu 8.

Hình hộp chữ nhật $ABCD A'B'C'D'$ có một đường chéo tên là:



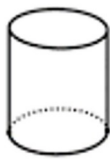
A. $A'B'$.

B. CC' .

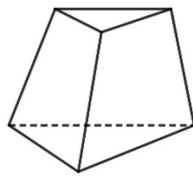
C. $B'C'$.

D. $C'A$.

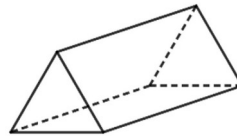
Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là hình lăng trụ đứng tam giác?



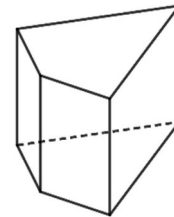
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

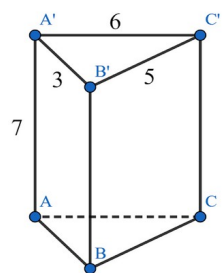
B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 10.

Cho hình lăng trụ đứng tam giác $ABC A'B'C'$ có cạnh $A'B' = 3\text{cm}$, $B'C' = 5\text{cm}$, $A'C' = 6\text{cm}$, $AA' = 7\text{cm}$. Độ dài cạnh BC sẽ bằng:



A. 3cm .

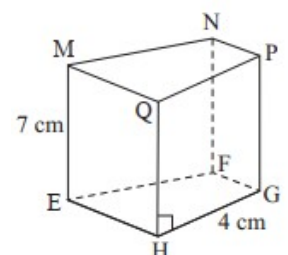
B. 5cm .

C. 6cm .

D. 7cm .

Câu 11.

Cho hình lăng trụ đứng tứ giác như hình bên. Khẳng định nào sau đây là sai:



A. $QH = 7\text{cm}$.

B. $QP = 4\text{cm}$.

C. Mặt đáy là $EFGH$.

D. $MQ = 7\text{cm}$.

Câu 12. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tứ giác là:

A. Các hình bình hành.

B. Các hình chữ nhật.

C. Các hình vuông.

D. Các hình thang cân.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài 1: (0,75 điểm). (NB) Các số $-7; -2,5; 0$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?

Bài 2: (1,5 điểm). (VD) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-4}{3} + \frac{3}{15} - \frac{30}{12}$;

b) $\frac{5}{13} \times \frac{-2}{5} + \frac{8}{13} \times \frac{-2}{5}$;

c) $\frac{5^5 + 25^2 + 5^3}{-31}$.

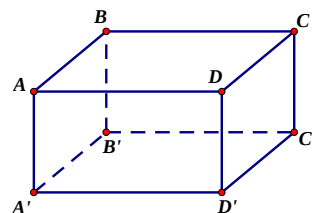
Bài 3: (1,5 điểm). (TH) Tìm số hữu tỉ x , biết:

a) $\frac{2}{3} - x = 3\frac{1}{2}$;

b) $\frac{4}{3} + \frac{5}{2}x = -0,75$.

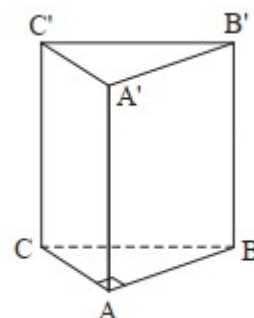
Bài 4: (1,0 điểm). (TH)

Cho hình hộp chữ nhật $ABCD A'B'C'D'$ như hình vẽ, có $AB = 5 \text{ cm}$, $BC = 6 \text{ cm}$, $AA' = 8 \text{ cm}$. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.



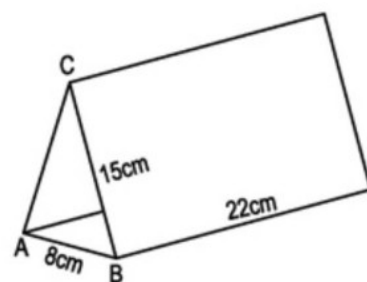
Bài 5: (0,75 điểm). (TH)

Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông $ABC A'B'C'$ như hình vẽ. Biết $AB = 8 \text{ cm}$, $AC = 6 \text{ cm}$, $BB' = 10 \text{ cm}$. Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này.



Bài 6: (0,5 điểm). (VD)

Tấm lịch để bàn có dạng một lăng trụ đứng, ACB là một tam giác cân. Tính diện tích miếng bìa dùng để làm một tấm lịch như hình.



Bài 7: (1,0 điểm). (VDC) Thực hiện chương trình khuyến mãi “Ngày hội mua sắm”, một cửa hàng giảm giá 50% cho một lô tivi gồm 50 chiếc có giá bán lẻ là 8.600.000 đồng. Đến 12h thì cửa hàng đã bán được 35 chiếc và cửa hàng quyết định giảm thêm 10% nữa (so với giá đã giảm lần 1) cho số tivi còn lại. Tính số tiền mà cửa hàng thu được khi bán hết lô tivi đó.

_____HẾT_____

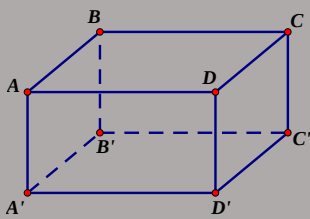
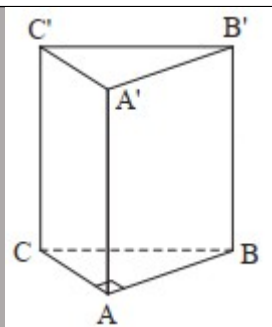
ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

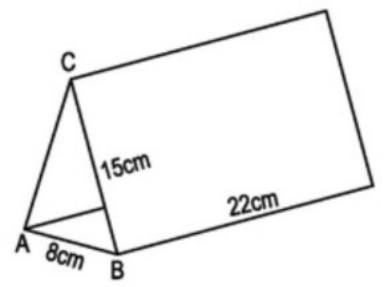
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	C	C	A	B	B	D	C	B	D	B

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $-12; -3,5; 0$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?	
	Vì $-7 = \frac{-7}{1}; -2,5 = \frac{-5}{2}; 0 = 0/1$	0.5
	Nên $-7; -2,5; 0$ là các số hữu tỉ	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{-4}{3} + \frac{3}{15} \cdot \frac{30}{12};$	
	$= \frac{-4}{3} + \frac{-1}{2}$	0.25
	$= \frac{-8}{6} + \frac{-3}{6}$	0.25
	$= \frac{-11}{2}.$	
	Bài 2b (0,5 điểm): $\frac{5}{13} \times \frac{2}{5} + \frac{8}{13} \times \frac{2}{5};$	
	$= \frac{-2}{5} \cdot \frac{2}{13} + \frac{8}{13} \cdot \frac{2}{5}$	0.25
	$= \frac{-2}{5} \cdot \frac{13}{13}$	0.25
	$= \frac{-2}{5}.$	
	Bài 2c (0,5 điểm): $\frac{5^5 + 25^2 + 5^3}{-31}.$	
	$= \frac{5^5 + 5^4 + 5^3}{-31}$	0.25
	$= \frac{5^3(5^2 + 5 + 1)}{-31}$	0.25
	$= \frac{5^3 \cdot 31}{-31} = -125.$	

3	$\frac{2}{3} - x = 3\frac{1}{2};$ Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:	
	$\frac{2}{3} - x = \frac{7}{2}$	0.25
	$x = \frac{2}{3} - \frac{7}{2}$	
	$x = \frac{4}{6} - \frac{21}{6}$	0.25
	$x = \frac{-17}{6}.$	0.25
	$\frac{4}{3} + \frac{5}{2}x = -0,75$ Bài 3b (0,75 điểm).	
	$\frac{4}{3} + \frac{5}{2}x = -\frac{3}{4}$	0.25
	$\frac{5}{2}x = -\frac{3}{4} - \frac{4}{3}$	0.25
	$\frac{5}{2}x = -\frac{9}{12} - \frac{16}{12} = -\frac{25}{12}$	0.25
	$x = \frac{-25}{12} \cdot \frac{2}{5} = -\frac{5}{6}.$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp chữ nhật $ABCD A'B'C'D'$ như hình vẽ, có $AB = 5 \text{ cm}$, $BC = 6 \text{ cm}$, $AA' = 8 \text{ cm}$. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.	
	$S_{xq} = 2(5 + 6) \cdot 8 = 176(\text{cm}^2)$	0.5
	$V = 5 \cdot 6 \cdot 8 = 240(\text{cm}^3)$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông $ABC A'B'C'$ như hình vẽ. Biết $AB = 8 \text{ cm}$, $AC = 6 \text{ cm}$, $BB' = 10 \text{ cm}$. Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này.	

	$S_d = \frac{8.6}{2} = 24(\text{cm}^2)$	0.25
	$V = 24.10 = 240(\text{cm}^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Tấm lịch để bàn có dạng một lăng trụ đứng, ACB là một tam giác cân. Tính diện tích miếng bìa dùng để làm một tấm lịch như hình. 	
	Diện tích miếng bìa dùng làm tấm lịch là: $S = 15.22.2 + 22.8 = 836(\text{cm}^2)$	0.25x2
7	Bài 7 (1,0 điểm). Thực hiện chương trình khuyến mãi “ Ngày hội mua sắm”, một cửa hàng giảm giá 50% cho một lô tivi gồm 50 chiếc có giá bán lẻ là 8.600.000 đồng. Đến 12h thì cửa hàng đã bán được 35 chiếc và cửa hàng quyết định giảm thêm 10% nữa (so với giá đã giảm lần 1) cho số tivi còn lại. Tính số tiền mà cửa hàng thu được khi bán hết lô tivi đó.	
	Số tiền cửa hàng thu được khi bán 35 chiếc TV là: $8\,600\,000.50\%.35 = 150\,500\,000 \text{ (đồng).}$	0.25
	Số tiền cửa hàng thu được khi bán 15 chiếc TV còn lại là: $(8\,600\,000.50\%).90\%.15 = 58\,050\,000 \text{ (đồng).}$	0.25
	Số tiền cửa hàng thu được khi bán hết số TV: $150\,500\,000 + 58\,050\,000 = 208\,550\,000$	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____HẾT____